

Name	Province	Date of birth	Relative
NGUYEN DUANG TRU SAIGON	1089068 - 10/15/84	15-9-1944	Brother in law USA
DAO THI KIM THOA SAIGON		11-12-1944	Brother in USA
NGUYEN THI KIM QUYEN		4-12-1946	DAO HUU LIEN 5011.
NGUYEN QUANG HUNG		16-9-1944	Da. HUU TIEN 944-422d
5) DUONG HIEN, LU IV 044145		12-5-46	-id-
6) DUONG HIEN KHANH TRINH		17-11-79	-id-
7) DAO THI BICH VAN		20-9-53	-id-
8) PHAM BA NAM SAIGON		10-9-57	KHOAT BA PHAM
9) PHAM BA THAO NGUYEN		25-04-85	-id
10) DAM THI NGUYET		11-10-65	-id
11) TRAN NGOC THUY My Tho		1-04-59	MAI PHUONG 5642
12) NGUYEN VAN ANGA		15-6-58	
13) NGUYEN THANH HUNG		1-4-83	
14) NGUYEN THE MANH		2-2-65	
15) DIER THI THIEN THANH		22-10-64	
16) NGUYEN NGOC TRAM		21-4-50	
17) NGUYEN THI KIM XUYEN		8-2-96	
18) LUU THI PHUET HANG		2-3-66	
19) NGUYEN THI LAN PHUONG		10-61	
20) NGUYEN THI PHUAT THANH		1961	
21) — VAN NHOI BEM CHINH		1961	
22) VU THI PHUONG KHANH		1961	

1. HOANG DUC LONG 1956 SAIGON MY MOTHER HOANG THI TUYET
2. HOANG QUOC BUI LINH 1976 SAIGON
(I.V. 502337)
3. NGUYEN HOANG CHUONG 1962 SAIGON MY SISTER NGUYEN THI HUYEN LINH
USA.
4. NGUYEN THI NGOC THUY 1957 QUINHON MY HUSBAND NGUYEN TIEN CHAM
5. NGUYEN QUOC THI 1983 SAIGON MY MOTHER 15
6. NGUYEN THI KIM DANH 1968 GIADINH MY BROTHER NGUYEN VAN DUNG
7. LE THI NGOC DIEM 1969 SAIGON MY FATHER LE SANH THIET
8. PHAN THI MY HONG 1967 SAIGON MY BROTHER
PHAN THI MY TRINH 1971 SAIGON in Love
9. NGUYEN THI MAI 1965 GIADINH MY BROTHER NGUYEN VAN NHAN
10. DONG QUANG HIEP 1973 GIADINH MY BROTHER DUONG QUANG MINH
11. LE CHI HIEN 1963 SAIGON MY BROTHER LE HONG VAN
12. PHAM NGOC VAN 1955 SAIGON MY HUSBAND PHAM KHAC THU
13. PHAM NGOC ANH THU 1979 SAIGON MY FATHER
14. PHAM NGOC LAN 1960 SAIGON MY BROTHER PHAM NGOC NAM

15. PHAM BUOC TRAN 1956 TIENGIANG FIANCEE NGUYEN THI THANH

16. NGUYEN THI BICH NGAN 1956 SAIGON MY SISTER NGUYEN THI MY
2. NGUYEN THI BICH KHAM in LAW

8. VU TRU 1963 SAIGON MYANT VU NGOC TRAM

1. QUACH DINH BAO 1960 SAIGON MYANT QUACH THI NGOC LANH

2. NGO THI TUYET HONG 1971 SAIGON

1. NGHIEM LIEN 1963 HOUAP

3. BUI THI THANH MAI 1971 GIADINH.

4. BUI THI THANH LOAN 1964 BONG THAP

Bui ANH TUAN KIET 1972 BONG THAP

GAO HOANG VU 1964 AN GIANG.

Tên: Tên Tên Bà con ở nơi nào.

- | No. | Name | Year | Location | Other Info |
|-----|----------------------------------|-----------------|-------------------|---|
| 1. | HOANG ĐUC LONG | 1956 | SAIGON | |
| 2. | HOANG QUOC BUI LINH | 1976 | SAIGON | |
| 3. | NGUYEN THI NGOC | | | |
| 4 | PHAT THÉ ĐÀ | 1919 | SATONAI | |
| 5 | NGUYEN THI ANH MINH | 1965 | SAIGON | SAIGON 90042.USA |
| 6 | NGUYEN THI DIEU TAM | 1964 | SAIGON | Phung Uy THAO 3001 SAIGON |
| 7 | NGUYEN THI MY THON | 1965 | SAIGON | USA |
| 8 | Số đề giải tích Geo LA 17/66 - 1 | | | |
| 9 | Mai Viet-Huy | 1944 | Saigon | U Nguyen Quang Minh Nguyen thi Nhai |
| 10 | Nguyen van Chau | 1969 | Saigon | Pham Dang Nhan |
| 11 | Nguyen Thanh Tung | 1975 | - | |
| 12 | Treedy Thi Tuyet | 1952 | Da Lat | Le Thi Trung 30 Soi Nantua Apt. A. South Sathon Bangkok |
| 13 | Chau A-Phu | 1954 | Da Lat | 10120 T/Lan. Chau Binh 102 Princeton |
| 14 | Chau Quoc Uy | 1983 | Saigon | |
| 15 | Tran Luu Phay | 1969 | | |
| 16 | Huong Boechino | 1960 | Le Trang | 1955 |
| 17 | Cao Van Cam | 1961 | | |
| 18 | Le Thanh Dy | 1963 | | |
| 19 | Nguyen Le Trang Hoan | 1972 | | |
| 20 | Nguyen Thi Thu Thuy | 1971 | | |
| 21 | Nguyen Trang Hien | 1952 | | |
| 22 | To Hien Thai | 1971 | | |

Handwritten text at the top left: "Paddy Oil Tā 1975" and "p. 3 of 3".